

Bản án số: 486/2018/HN&GD-ST

Ngày: 18-10-2018

V/v Ly hôn D - H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Giữ

2. Ông Mai Minh Chánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tâm Nhân là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú

Ngày 18 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Trương Thị Thùy D, sinh năm 1990 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 08, ấp TA, xã TMT, huyện CP, tỉnh An Giang.

-Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp BT, xã BL, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 6 năm 2018 và tại phiên tòa, chị Trương Thị Thùy D trình bày:

Chị D chung sống với anh H được Ủy ban nhân dân xã BL cấp chứng nhận kết hôn số 189 ngày 16 tháng 10 năm 2013.

Quá trình chung sống, do chị D và anh H không còn hợp nhau, phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Chị D ly thân anh H từ tháng 02 năm 2018 đến nay. Chị D cho rằng anh H không có trách nhiệm lo cho chị D và con, anh H không đi làm và chỉ

biết vay tiền để cho chị D trả nợ. Anh H còn khóa cửa phòng trọ tới khuya không cho chị D vào ngủ. Chị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H.

Chị D và anh H có 01 đứa con tên Nguyễn Trương Bảo V, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2014 theo Giấy khai sinh số 274/2014 Quynh số 02/2014, hiện chị D đang nuôi con từ ngày vợ chồng ly thân đến nay.

Khi ly hôn, chị D yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Chị D và anh H không có tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Anh H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh H không có mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Chị D và anh H kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 189 ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân xã BL. Theo chị D trình bày, quá trình chung sống vợ chồng đi làm công nhân ở tỉnh Bình Dương, anh H không lo làm ăn mà còn gây nợ chị phải đứng ra trả. Khi vợ chồng cãi nhau, anh H đóng cửa phòng trọ tới khuya không cho chị vào. Từ tháng 02 năm 2018 chị về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân anh H muốn hàn gắn chị không đồng ý thì anh H lên mang xã hội dùng lời lẽ xúc phạm chị.

Anh H đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của chị D nhưng anh không có ý kiến. Điều này cho thấy, anh H không thiện chí hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị D. Anh H và chị D là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình. Anh H không chí thú làm ăn, không quan tâm chia sẻ công việc gia đình, khi vợ chồng có mâu thuẫn còn dùng lời lẽ không đúng đưa lên mạng xã hội nhằm làm xấu chị D là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn cho chị D được ly hôn anh H.

Chị D và anh H có 01 đứa con chung tên Nguyễn Trương Bảo V, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2014. Chị D là người đang chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cháu V còn nhỏ rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ nên giao chị D tiếp tục nuôi con là phù hợp.

Chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chi D và anh H không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 91, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Thùy D đối với bị đơn anh Nguyễn Văn H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Thùy D được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về quan hệ con chung: Chị D được trực tiếp nuôi con Nguyễn Trương Bảo V, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2014.

Chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con. Chị D và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh H thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai số 0002417 ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

Chị D có quyền kháng trong hạn kháng cáo đối với bản án là 15 ngày được tính từ ngày tuyên án. Anh H vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Ủy ban nhân dân xã Bình Long;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

Trần Thế Văn